TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 174 /2020/ QĐST - HNGĐ	*Thanh Sơn, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Hà Mạnh H**, sinh năm 1983
Địa chỉ: Xóm V, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: **Chị Hà Thị Huyền My**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Xóm V, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Anh Hà Mạnh H và chị Hà Thị Huyền M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung**:** Anh Hà Mạnh H và chị Hà Thị Huyền M xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hà Hoài Th – Sinh ngày 10/3/2005 và Hà Thị Thu H – Sinh ngày 12/8/2011. Hiện nay các con chung đang ở cùng anh H và ông bà nội. Anh H và chị M tự nguyện thỏa thuận: Giao cho anh H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Hà Hoài Th – Sinh ngày 10/3/2005; chị My được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Thị Thu H – Sinh ngày 12/8/2011 kể từ tháng 8 năm 2020 đến khi các con chung thành niên. Hai bên đều tự nguyện không ai yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hà Mạnh H và chị Hà Thị Huyền M khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H và chị M tự nguyện thỏa thuận: Anh H hỗ trợ chị M số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng) để chị M ổn định cuộc sống mới. Thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/8/2020 thanh toán 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 31/12/2020 thanh toán 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Hà Mạnh H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003205 ngày 23/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Trả lại cho anh H 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 – Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự
- VKS tỉnh + huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Võ Miếu
- L- u HSVA.

Thẩm phán

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa